

# NGÂN SÁCH CÂN BẰNG VÀ TÀI TRỢ THÂM HỤT NGÂN SÁCH

Mai Hoàng Chương

1

## Nội dung trình bày

- Các khái niệm
- Kinh tế học về thâm hụt ngân sách
- Đo lường thâm hụt ngân sách
- Thâm hụt ngân sách và ổn định vĩ mô
- Tài trợ thâm hụt ngân sách
  - Một số đặc tính của nợ chính phủ
  - Một số cạm bẫy thường gặp
  - Phương thức tài trợ thâm hụt

2

## Các khái niệm

- Ngân sách nhà nước: *“là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước trong dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để đảm bảo thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của nhà nước.” (Luật ngân sách Nhà nước 2002 – Luật NSNN)*

## Các khái niệm

- Các khoản thu NSNN:
  - Thuế, phí, lệ phí do các tổ chức và cá nhân nộp theo quy định của pháp luật;
  - Các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước;
  - Các khoản đóng góp của các tổ chức và cá nhân;
  - Các khoản viện trợ;
  - Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Lưu ý: không tính vào thu NSNN các khoản thu mang tính chất hoàn trả như vay nợ và viện trợ có hoàn lại.

## Các khái niệm

- Các khoản chi NSNN:
  - Chi thường xuyên: các khoản chi nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của nhà nước.
  - Chi đầu tư phát triển: các khoản chi dài hạn nhằm làm tăng cơ sở vật chất của đất nước và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
  - Chi trả nợ và viện trợ: các khoản chi để nhà nước thực hiện nghĩa vụ trả nợ các khoản đã vay trong nước, vay nước ngoài khi đến hạn và các khoản chi làm nghĩa vụ quốc tế.
  - Chi dự trữ là những khoản chi ngân sách nhà nước để bổ sung quỹ dự trữ nhà nước và quỹ dự trữ tài chính.

## Các khái niệm

- Thâm hụt ngân sách:
  - Là tình trạng khi tổng chi tiêu của ngân sách nhà nước vượt quá các khoản thu "không mang tính hoàn trả" của ngân sách nhà nước.
  - Để phản ánh mức độ thâm hụt ngân sách người ta thường sử dụng chỉ tiêu tỉ lệ thâm hụt so với GDP hoặc so với tổng số thu trong ngân sách nhà nước.
  - Thâm hụt ngân sách nhà nước có thể ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến nền kinh tế một nước tùy theo tỉ lệ thâm hụt và thời gian thâm hụt.
- Nợ chính phủ: tổng tích lũy các khoản thâm hụt ngân sách trong quá khứ.

## Kinh tế học về thâm hụt ngân sách

- **Ngân sách cân bằng:**
  - Là công cụ khách quan để phi chính trị hóa các quyết định ngân sách vốn rất khó khăn
  - Giúp cải thiện hiệu quả kinh tế
  - Hỗ trợ cho chính sách tiền tệ cẩn trọng
  - Tăng tính nhất quán và khả năng tiên liệu của chính sách chi tiêu công

7

## Kinh tế học về thâm hụt ngân sách

- **Ngân sách thâm hụt:**
  - Có cơ hội đầu tư tốt: chấp nhận thâm hụt để chớp cơ hội đầu tư.
  - Khi nền kinh tế chưa đạt đến trạng thái toàn dụng thì thâm hụt ngân sách có thể làm kinh tế phát triển.
  - Chính sách ngược chu kỳ để giải quyết tình trạng suy giảm kinh tế tạm thời
  - “Mua” ổn định và hòa bình

8

## Kinh tế học về thâm hụt ngân sách

- **Ngân sách thâm hụt:**
  - Khi dự báo (tương lai) nguồn thu nội địa tăng mạnh có thể chấp nhận một mức thâm hụt ở hiện tại.
    - Tuy nhiên, nếu nguồn thu tương lai bị ước tính quá cao thì việc trả nợ có thể:
      - Làm lãng phí nguồn lực khan hiếm
      - Gây ra sự chèn lấn khu vực tư nhân
      - Tăng gánh nặng cho các thế hệ tương lai

## Kinh tế học về thâm hụt ngân sách

- **Nhiệm vụ luận**
  - Phân biệt các thành phần của ngân sách
    - Chi thường xuyên
    - Chi đầu tư
    - Hạch toán tiền mặt
    - Hạch toán vốn
    - Ngân sách cân bằng động
  - Sử dụng khung thời gian nhiều năm
    - Giải quyết dần thâm hụt ngân sách
    - Mục tiêu ngân sách cân bằng trung hạn

## Đo lường thâm hụt ngân sách

- Thâm hụt ngân sách thực sv. danh nghĩa: thâm hụt là một khoản bị ảnh hưởng bởi lạm phát.
- Thâm hụt ngân sách cấu trúc (structural) hay tiêu chuẩn hóa (standardized): thâm hụt thể hiện tính tùy biến của các chính sách (đã loại trừ biến động ngắn hạn).
- Thâm hụt ngân sách cơ bản (primary deficit): loại trừ tiền lãi của khoản thâm hụt.
- Thâm hụt ngân sách hằng năm sv. trung hạn và dài hạn: so sánh liên thời gian.
- Thâm hụt trong sv. ngoài ngân sách

11

## Tác động vĩ mô của thâm hụt ngân sách

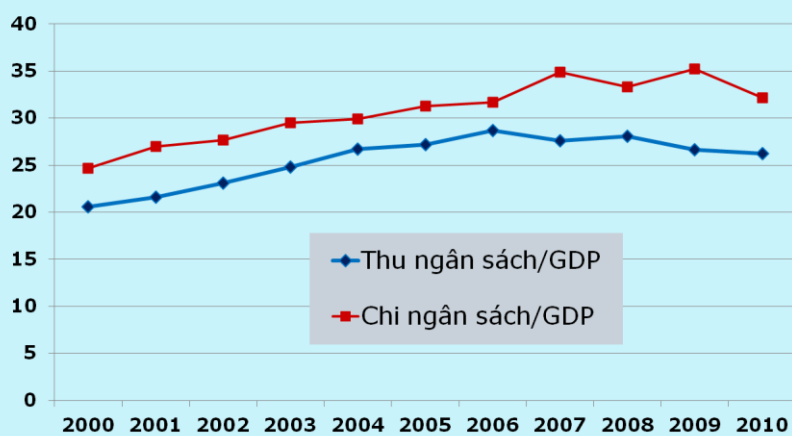
- Vai trò của chính sách tài khóa đối với ổn định kinh tế vĩ mô (thăng trầm ngắn hạn)
  - Thâm hụt ngân sách để kích thích kinh tế
- Thâm hụt ngân sách và lạm phát
- Thâm hụt ngân sách và hiệu ứng chèn lấn
  - Nền kinh tế mở?
- Thâm hụt ngân sách và lãi suất

12

## Tài trợ cho thâm hụt ngân sách

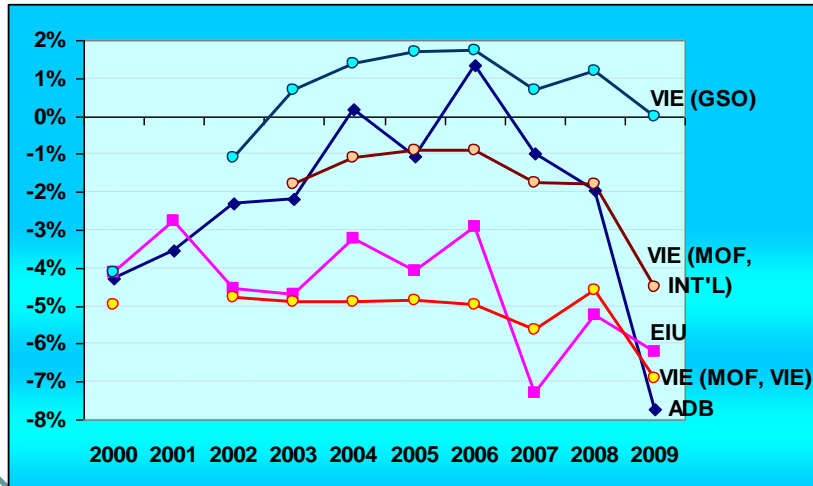
- Tài trợ từ thuế.
- Tài trợ từ vốn vay:
  - Nội địa
  - Nước ngoài

## Thu, chi, thâm hụt ngân sách ở Việt Nam



*Nguồn:* Tính toán từ số liệu của Bộ Tài chính

## Thâm hụt ngân sách của Việt Nam thực sự là bao nhiêu?



Tất cả những con số này đều không không đúng!

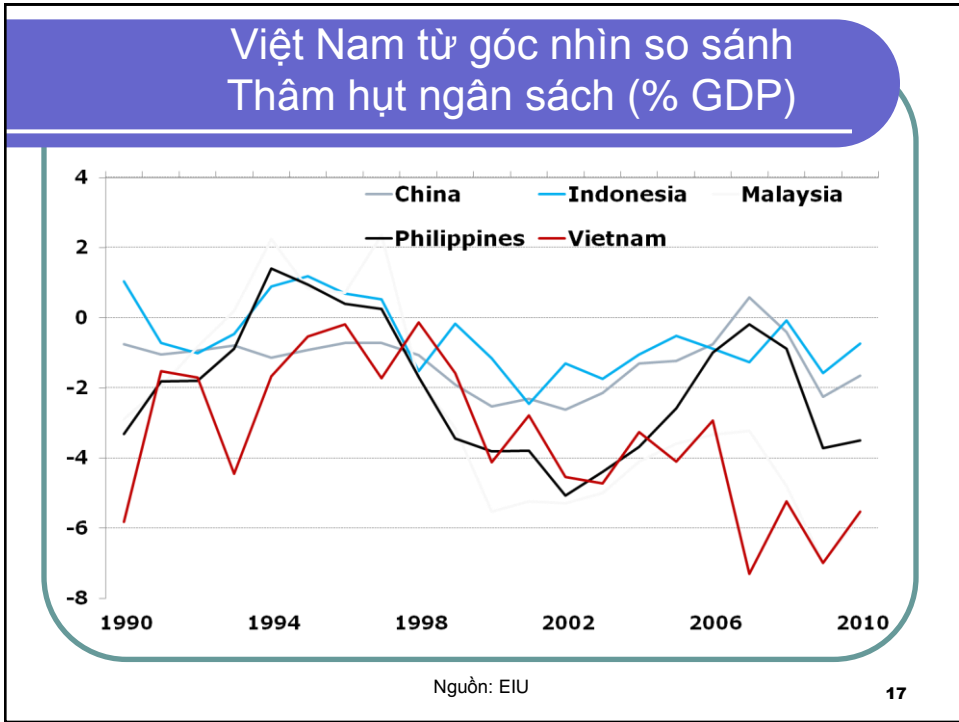
15

## Các khoản thu-chi ngoài ngân sách

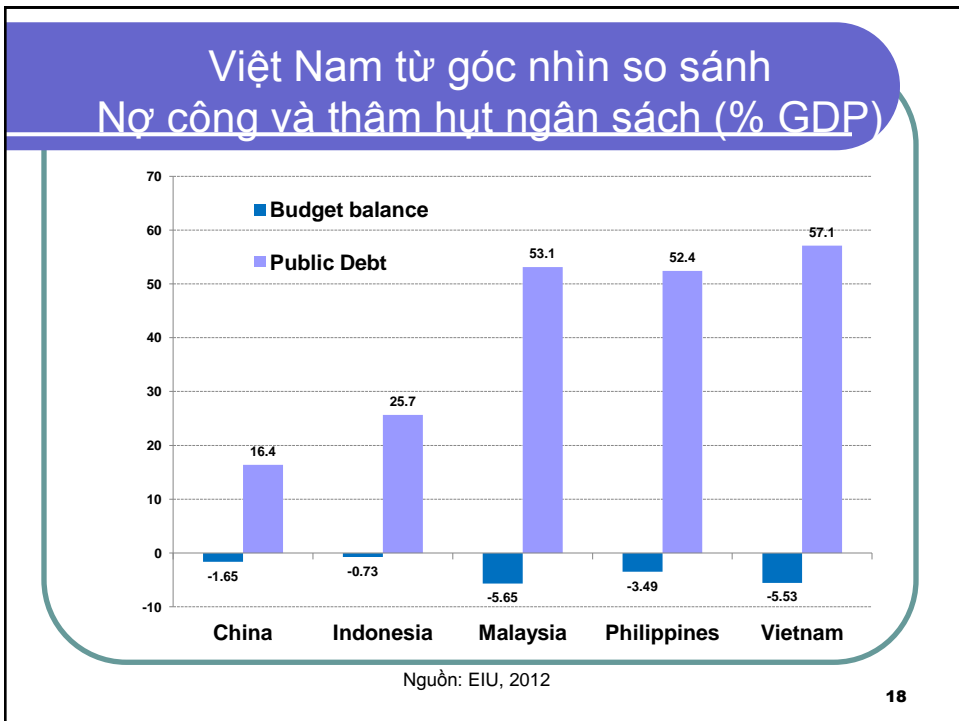
- Ngoài ngân sách:
  - Trái phiếu dự án (cho giao thông, thủy lợi v.v.)
  - Rút vốn viện trợ và vay nước ngoài về cho vay lại
  - Hỗ trợ lãi suất
- Tài trợ ngoài ngân sách:
  - Trái phiếu chính phủ
  - Mua bán trái phiếu với bảo hiểm xã hội
  - Vay khế ước của ngân sách với BHXH
  - Vay từ quỹ tích lũy trả nợ
  - Vay từ quỹ hỗ trợ cổ phần hóa ...

16



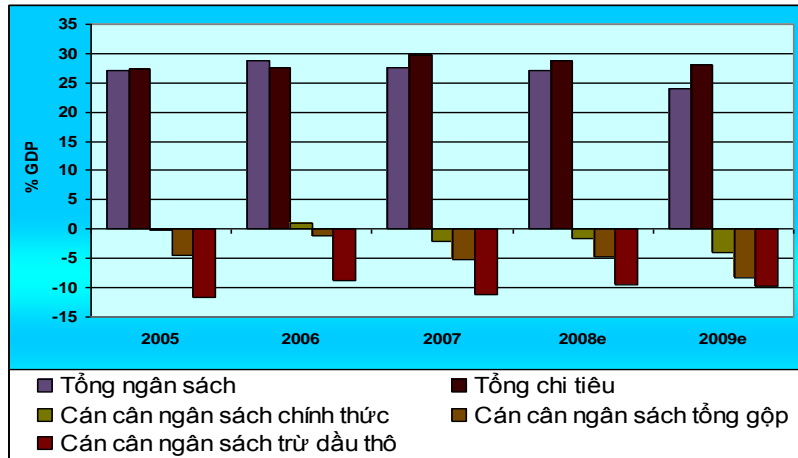


17



18

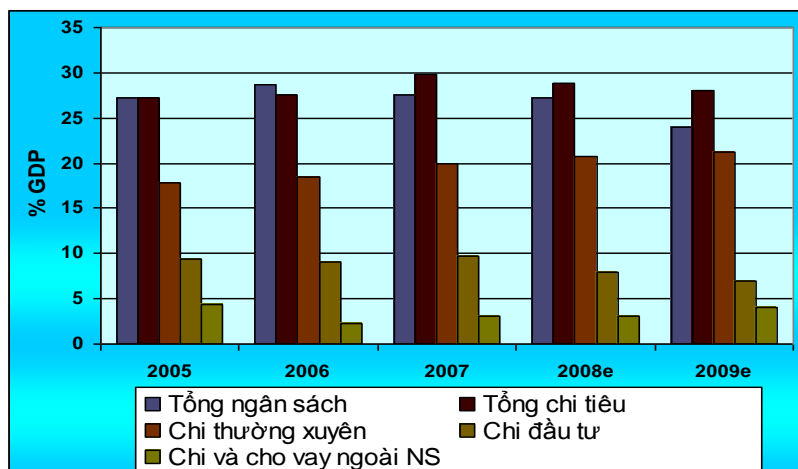
## Cán cân ngân sách ở Việt Nam



Nguồn: IMF, Country Report (April 2009)

19

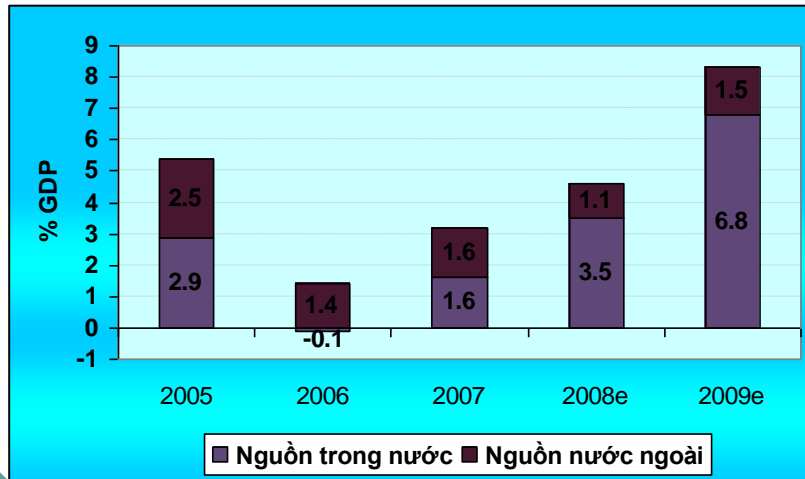
## Thu sv. chi ngân sách



Nguồn: IMF, Country Report (April 2009)

20

## Tài trợ thâm hụt ngân sách



Nguồn: IMF, Country Report (April 2009)

21

## Tài trợ thâm hụt ngân sách (trường hợp Việt Nam)

- Vay trong nước
  - Phát hành trái phiếu VND
  - Phát hành trái phiếu USD
    - Trái phiếu USD, đô-la hóa và chính sách tỷ giá
- Vay nước ngoài
  - Nợ quốc gia
  - Phát hành trái phiếu quốc tế
- Tiền tệ hóa thâm hụt ngân sách

22

## Kinh tế Việt Nam từ góc nhìn so sánh

	VIE 01-05	VIE 06-10	ASEAN 06-10	CHN 06-10	IND 06-10	PHI 06-10	THA 06-10
<b>Tăng trưởng và lạm phát (%)</b>							
Tốc độ tăng trưởng GDP	7.4	7.0	5.2	11.2	5.7	5.2	3.6
Tốc độ tăng CPI	4.5	10.9	6.1	3.0	7.8	5.0	2.9
<b>Chính sách tài khóa (% GDP)</b>							
Cân cân ngân sách	-3.9	-5.6	-1.8	-0.9	-0.9	-1.9	-1.6
Tổng thu ngân sách	24.7	28.2	17.9	19.4	17.6	15.0	18.0
Tổng chi ngân sách	28.6	33.8	19.7	20.3	18.4	16.9	19.6
Tổng vốn đầu tư cố định	32.0	34.9	25.4	42.1	28.0	17.2	26.2
Nợ chính phủ	40.4	47.8	-	17.2	29.2	55.5	40.9
Tỷ lệ tiết kiệm/đầu tư (%)	95.8	83.1	126.2	117.3	106.2	125.9	117.5
<b>Chính sách tiền tệ (%/năm)</b>							
Tốc độ tăng tiền M2	27.1	31.1	-	20.8	15.5	12.9	8.3
Tốc độ tăng dư nợ tín dụng	31.1	35.5	-	18.9	12.3	9.1	5.5

Nguồn: EIU